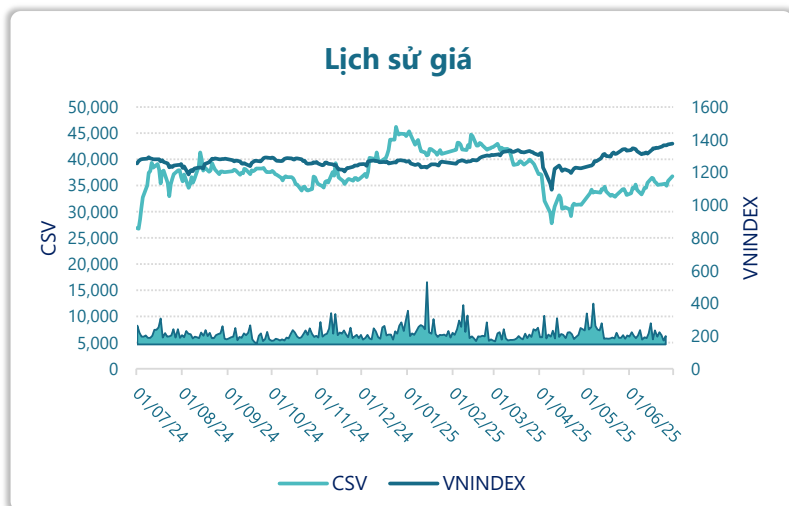


CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam (HSX: CSV)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	36,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,207
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,752
SL cổ phiếu LH	110,499,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,911,855
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,066
P/E	16.9
EPS	2,172

DT thuần
Q2/25

524

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 42.0 | 8.6%

YoY: ▲ 43.0 | 8.9%

LN sau thuế
Q2/25

71.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.8 | 28.3%

YoY: ▼ 2.70 | -3.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

17.5%

+/- YoY: ▼ 2.1%

DT thuần
6T 2025

1,006

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 174 | 21.0%

LN sau thuế
6T 2025

128

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00 | 2.9%

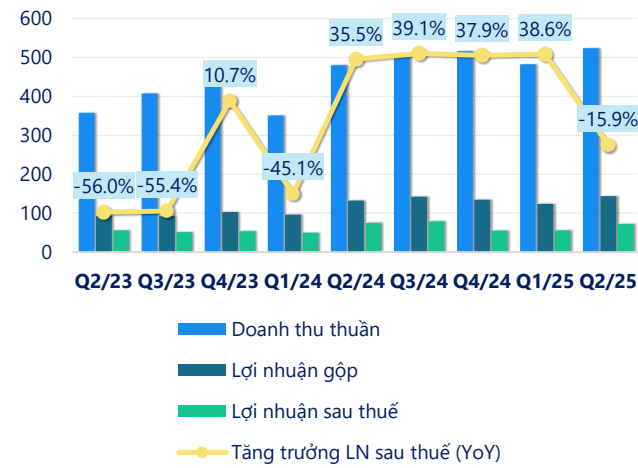
ROE
Q2/25

15.5%

+/- YoY: ▲ 1.6%

tỷ VNĐ

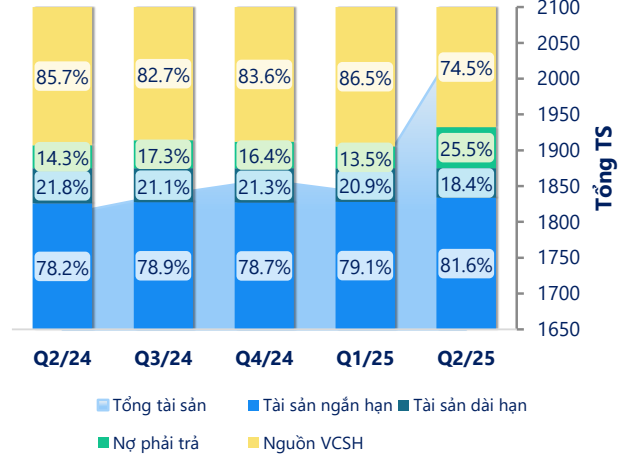
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

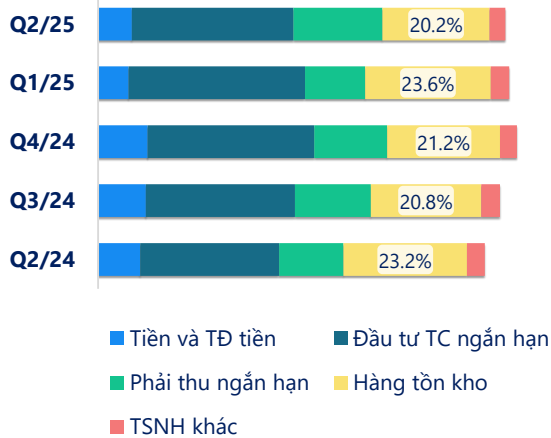
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



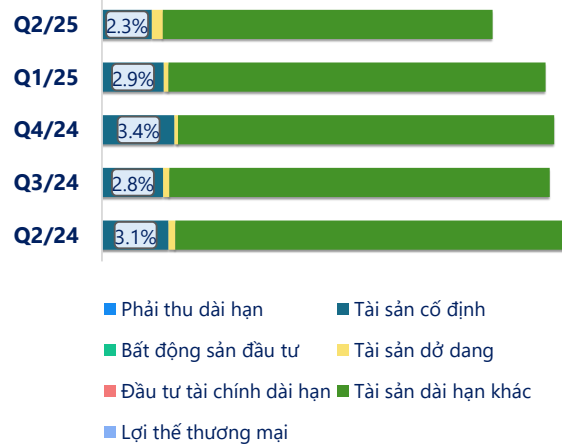
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

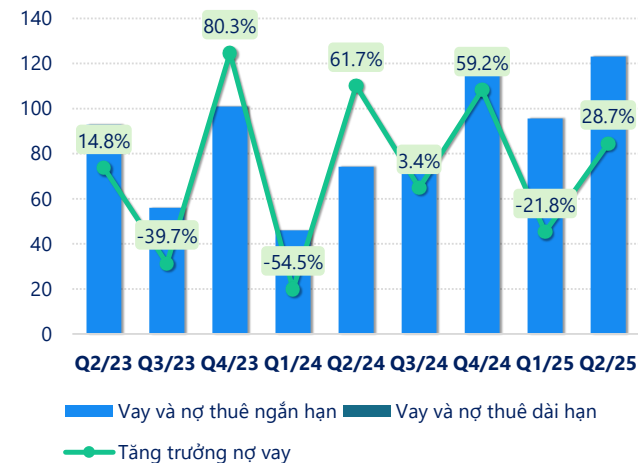
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

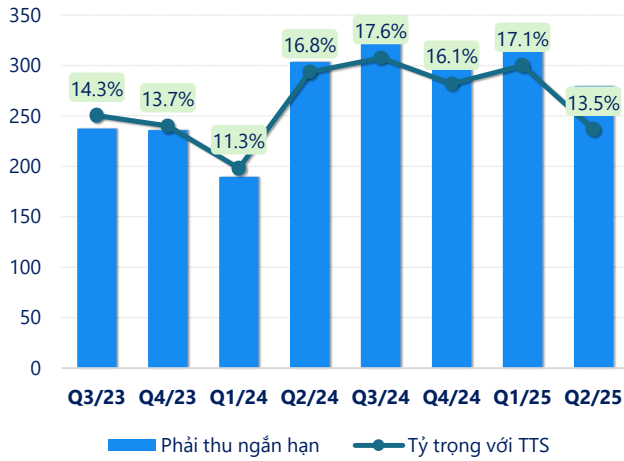
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



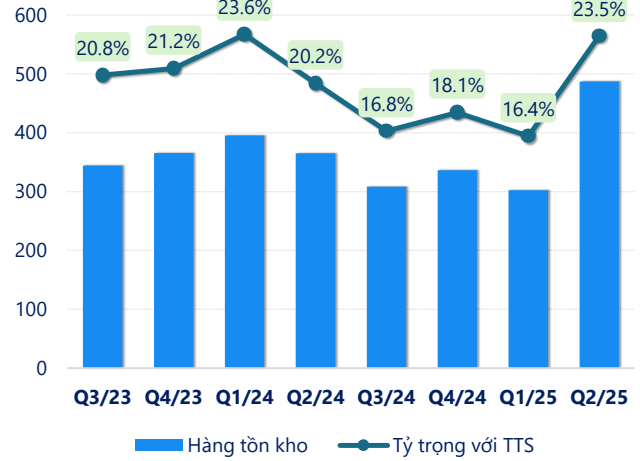
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


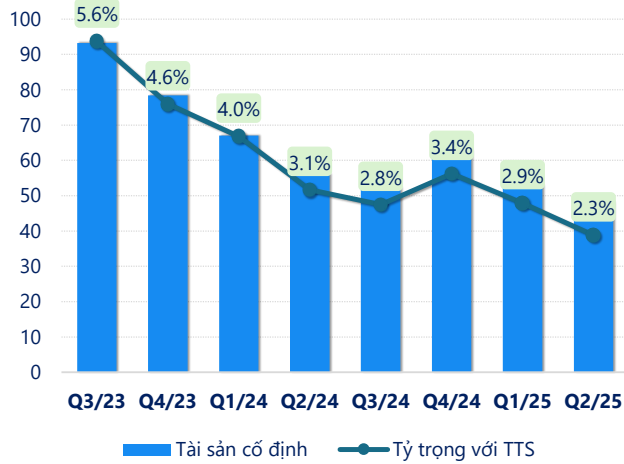
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


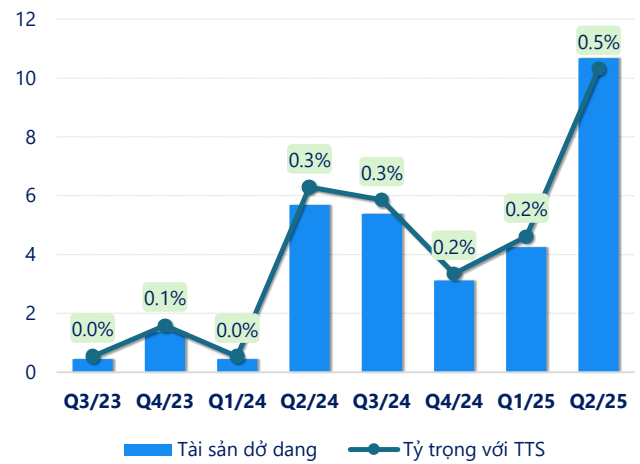
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

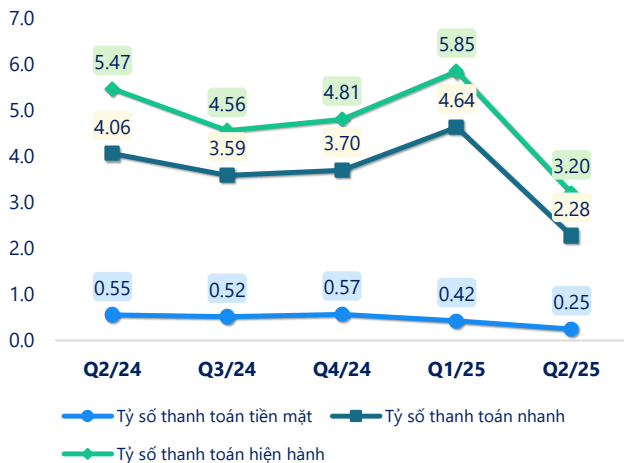
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,810	1,838	1,858	1,840	2,069
Tài sản ngắn hạn	1,415	1,451	1,463	1,456	1,689
Tiền và tương đương tiền	143	165	173	106	131
Đầu tư tài chính ngắn hạn	550	595	605	677	732
Phải thu ngắn hạn	303	323	300	315	279
Hàng tồn kho	365	308	336	302	487
Tài sản ngắn hạn khác	53.4	59.4	49.5	56.1	59.4
Tài sản dài hạn	395	387	395	384	380
Phải thu dài hạn	0.60	0.60	0.66	0.40	0.40
Tài sản cố định	56.1	52.3	62.7	52.9	48.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.69	5.38	3.12	4.25	10.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	333	329	329	326	321
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	258	318	304	249	528
Nợ ngắn hạn	258	318	304	249	528
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.2	76.8	122	95.6	123
Phải trả người bán ngắn hạn	38.7	36.4	22.9	41.6	122
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,551	1,520	1,554	1,591	1,541
Vốn chủ sở hữu	1,551	1,520	1,554	1,591	1,541
Vốn điều lệ	442	1,105	1,105	1,105	1,105
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)